

SẮC THÁI TRIỆT LÝ HIỆN SINH TRONG TƯ TƯỞNG CỦA XÔCRÁT VÀ LÃO TỬ

TRẦN THI ĐIỀU (*)

Trong lịch sử triết học, Lão Tử - nhà triết học Trung Quốc và Xôcrát (470 - 399 trước CN) - nhà triết học Hy Lạp là hai đại biểu kiệt xuất, được coi là những nhà triết học vĩ đại không chỉ tiêu biểu cho thời kỳ cổ đại, mà còn tiêu biểu cho lịch sử tư tưởng triết học nhân loại. Mặc dù sống ở những nền văn hóa khác nhau, nhưng những suy ngẫm về vấn đề con người, đặc biệt là tư tưởng về tự do cá nhân của hai ông không chỉ có những nét khác biệt, mà còn có những nét tương đồng, mang đậm sắc thái hiện sinh. Tư tưởng về tự do cá nhân phản ánh được bản chất nhân văn của tri thức triết học. Nghiên cứu tư tưởng về tự do cá nhân của Lão Tử và Xôcrát trên tinh thần "gan đục khèn trong", chúng ta có thể rút ra bài học xây dựng đạo đức con người cá nhân trong xã hội văn minh hiện đại. Do vậy, bài viết này của tác giả đi vào khái quát tư tưởng về tự do cá nhân của Xôcrát và Lão Tử, chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt.

Triết học là một lĩnh vực đặc biệt của văn hóa tinh thần. Triết học giúp con người xác định được hệ thống giá trị, tìm được ý nghĩa cuộc sống. Xét đến cùng, triết học bao giờ cũng bàn đến con người, đặc biệt quan tâm đến vấn đề số phận và nhân tính con người. Trong đó, giá trị chi phối nhân tính con người chính là tự do (triết học hiện đại sử dụng khái niệm hiện sinh người). Ở mọi thời đại, kể cả thời đại hiện nay, khi khoa học và công nghệ đang mang lại cho con người cuộc sống vật chất tương đối đầy đủ, khẳng định được sức mạnh của con người trong việc cải tạo tự nhiên, song con người vẫn luôn quay về với triết học, đặc biệt là triết học cổ đại như là nguồn gốc, là cái nôi, và là mẫu mực tư duy của mình.

Trong lịch sử triết học, Lão Tử(1) nhà triết học Trung Quốc và Xôcrát (470 - 399 trước CN) - nhà triết học Hy Lạp là hai đại biểu kiệt xuất, được coi là những nhà triết học vĩ đại không chỉ tiêu biểu cho thời kỳ cổ đại, mà còn tiêu biểu cho lịch sử tư tưởng triết học nhân loại. Mặc dù sống ở những nền văn hóa khác nhau, nhưng những suy ngẫm về vấn đề con người, đặc biệt là con người cá nhân của hai ông không chỉ có những nét khác biệt, mà còn có những nét tương đồng, mang đậm sắc thái hiện sinh. Trong quá trình hội nhập và

(*) Tiến sĩ, Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(1) Theo truyền thuyết Trung Quốc, ông sống khoảng thế kỷ thứ VI (trước CN), nhiều học giả hiện đại cho rằng, ông sống khoảng thế kỷ thứ IV (trước CN).

giao lưu văn hóa ở nước ta hiện nay, việc tiếp thu văn hóa Đông, Tây trên tinh thần vượt bỏ hạn chế, gạn lọc tinh hoa và kế thừa có chọn lọc tinh hoa văn hóa triết học của nhân loại, việc tiếp thu tư tưởng về tự do cá nhân trong lịch sử tư tưởng triết học nói chung, tư tưởng của Lão Tử và Xôcrát nói riêng là cần thiết, có ý nghĩa cho quá trình xây dựng đất nước.

1. Điểm tương đồng trong tư tưởng của Lão Tử và Xôcrát về tự do cá nhân

Không giống với nhiều nhà triết học cùng thời, dù sống ở môi trường văn hóa khác nhau, chịu sự chi phối của hoàn cảnh xã hội khác nhau, nhưng tư tưởng triết học của Xôcrát và Lão Tử đều mang bản chất nhân văn: Đề cao con người, lấy con người làm đối tượng nghiên cứu. Không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ phẩm giá của con người, cả Xôcrát và Lão Tử đều đi sâu nghiên cứu biểu hiện của tồn tại người, nghiên cứu phương thức sống, thái độ sống và đời sống nội tâm của con người. Đặc biệt, hai tác giả đều bảo vệ tự do của con người, đưa con người quay về cội nguồn tự do, đặc biệt là tự do cá nhân.

Tên tuổi của nhà triết học Hy Lạp cổ đại Xôcrát thường được gắn liền với việc đưa ý thức triết học trở lại với con người, người mở đầu cho tư tưởng triết học phương Tây thời cổ đại về việc đề cao con người, đề cao đạo đức của con người. Con người là đối tượng của triết học. Trong tư tưởng triết học của ông, con

người vừa là điểm xuất phát (lấy con người làm đối tượng), vừa là nội dung (khai thác khía cạnh đạo đức), vừa là mục đích (đem lại hạnh phúc, cái thiện và phúc lợi cho con người, vì con người).

Tán thành quan niệm của văn hóa Hy Lạp về con người với tư cách tiểu vũ trụ thu nhỏ của thế giới bên ngoài, nghiên cứu con người cũng là nghiên cứu thế giới bên ngoài, Xôcrát đã trở thành người đầu tiên nhấn mạnh tính đặc thù của con người, sự khác biệt căn bản của con người so với những bộ phận cấu thành khác của giới tự nhiên, và đó chính là tâm hồn. Theo ông, tâm hồn là năng lực tự ý thức của mỗi cá nhân, là dấu hiệu quan trọng nhất của bản tính con người thông qua sự thanh lọc những hiện tượng của thế giới bên ngoài. Ông nói: "Và lại tôi chỉ làm những gì tôi thích và thuyết phục mỗi người trong các bạn, người trẻ và người già, hãy quan tâm sớm hơn và mạnh mẽ hơn không phải đến cơ thể hay tiền bạc mà đến tâm hồn các bạn để nó trở nên tốt nhất, tôi nói với các bạn: Không phải tiền bạc sinh ra lòng dũng cảm, mà lòng dũng cảm sinh ra tiền bạc và nhiều của cải khác cho con người, cả trong cuộc sống riêng tư lẫn trong cuộc sống xã hội"(2). Do vậy, mỗi người phải biết tự chăm chút cho tâm hồn, phải thường xuyên kiểm tra, thể nghiệm,

(2) Dẫn theo: Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Thanh, Nguyễn Anh Tuấn. *Đại cương lịch sử triết học phương Tây*. Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2006, tr.95.

phân đoán, phân tích, đánh giá với các hiện tượng từ bên ngoài. Các hiện tượng bên ngoài, như của cải, địa vị, quyền lực, v.v. tồn tại độc lập với tâm hồn con người, có ý nghĩa nhất định đối với cuộc sống con người. Tuy nhiên, nếu giành lấy của cải, quyền lực từ bên ngoài bằng bất cứ giá nào, con người sẽ đánh mất tâm hồn, đánh mất phần đích thực trong con người. Tâm hồn mỗi con người đều mang tính cá biệt, độc đáo, do mỗi con người giữ gìn, lựa chọn và vun đắp.

Theo Xôcrát, tâm hồn có cấu trúc đơn giản, có hai năng lực cơ bản là lý tính và dục vọng. Lý tính là năng lực tư duy, suy luận có lôgic, là năng lực cơ bản của tâm hồn. Ngược lại, dục vọng hay cảm xúc sinh ra từ cơ thể, là sự mong muốn, hay khát vọng kéo con người đi theo các hướng khác nhau. Lý tính thường bị chi phối, chế ngự bởi tâm hồn, trong khi dục vọng lại luôn bị thế giới bên ngoài tác động, kích thích. Muốn giữ được phần người đích thực, con người phải đề cao sự tự chủ của lý tính, không để cho dục vọng lấn át. Sự tự chủ của lý tính đối với những đòi hỏi, bùng nổ tự phát của dục vọng trước những tác động của cuộc sống được coi là nền tảng hình thành, khẳng định quyền lực bản thân con người. Quyền lực đó chính là tự do. Do đó, người nào càng dùng lý tính để chế ngự được dục vọng thì người đó càng được tự do và ngược lại.

Như vậy, có thể thấy, tư tưởng của Xôcrát về con người, đặc biệt là tư

tưởng đề cao tự do nội tâm của con người, đã đưa đến một bước ngoặt, một giá trị mới trong hệ thống giá trị đang tồn tại. Sức mạnh lớn nhất của mỗi người thực sự phải được đo bằng sự vượt lên, chiến thắng chính "kẻ thù bên trong" bản thân mình.

Lão Tử được coi là người sáng lập Đạo gia, một trong ba trường phái triết học lớn của thời Xuân Thu Chiến Quốc. Trong tư tưởng Lão Tử, con người giữ vị trí trung tâm. Lão Tử đặc biệt quan tâm đến con người, mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên. Với ông, con người muốn tự do thì cần phải sống hòa hợp với thiên nhiên và tạo hóa, tuân theo quy luật của tự nhiên, tu luyện để sống lâu và gần với Đạo.

Đạo là quan niệm cơ bản trong toàn bộ tư tưởng triết học của Lão Tử. Đạo là nguồn gốc sơ khai, nguyên thủy của vũ trụ, của vạn vật. Đạo có tính khách quan, tự nhiên, thuần phác. Trong tư tưởng về con người, Đạo được hiểu là cái bản ngã, cái tôi cá nhân, cái riêng biệt, độc đáo của mỗi người. Con người phải sống gần với Đạo, sống như cái vốn có, mộc mạc, thuần phác.

Con người không nên nhào nặn, gọt giũa tâm hồn mình bởi ý muốn chủ quan, hay mục đích cá nhân nào đó. Khi con người chạy theo dục vọng để đạt được mục đích là khi con người đã bị ràng buộc vào những mục đích cá nhân nào đó và khi đó, con người đã xa rời bản tính tự nhiên, đánh mất cái vốn có của mình. Do vậy, theo Lão Tử, để giữ được

bản tính tự nhiên của mình, con người phải biết sống theo luật quân bình, nghĩa là phải biết đủ (tri túc) và phải biết ngừng (tri chí) theo luật phản phục.

Lão Tử cho rằng, luật quân bình làm cho vũ trụ, vạn vật vận động, biến hóa trong trạng thái cân bằng, theo một trật tự điều hòa tự nhiên, không có thái quá và bất cập. Nếu vi phạm luật quân bình, phá vỡ trạng thái vận động cân bằng của vũ trụ, thì vạn vật sẽ rối loạn, tri trệ và có nguy cơ bị phá hủy. Luật phản phục được hiểu là sự vận động mang tính chất tuần hoàn, như hết ngày lại đến đêm; hoặc được hiểu là sự vận động trở về với "đạo" của vạn vật, trở về với tự nhiên, trở về với gốc rễ, cội nguồn của mình, bền bỉ, trường tồn. Do vậy, theo ông, con người sống phải biết đủ và biết ngừng thì sẽ không bao giờ làm cái gì trái với đạo tự nhiên. Khi con người không làm gì thái quá, bất chấp đạo tự nhiên thì khi đó, con người sẽ tránh được tai họa.

Con người cần phải nhận thức và hiểu được quy luật vận động, biến hóa của vạn vật, của vũ trụ để có thái độ, hành động phù hợp với đạo tự nhiên. Khi con người hiểu được quy luật của tự nhiên, con người sẽ tránh làm các điều dữ, không mắc phải sai lầm và khi đó, con người hoàn toàn được sống với bản tính đích thực của mình. Với tư tưởng không can thiệp vào đời sống vạn vật còn có nghĩa là để cho vạn vật tự do phát triển, Lão Tử có thể được coi là người đầu tiên chủ trương chính

sách tự do, một thứ tự do cho nhân quần, xã hội.

2. Điểm khác biệt trong tư tưởng của Lão Tử và Xôcrát về tự do cá nhân

Mặc dù đều đề cao con người, bảo vệ phẩm giá của con người trên hết và trước hết là đời sống nội tâm, cả Lão Tử và Xôcrát đều đi sâu nghiên cứu hiện sinh thể tự do, một trong những phẩm chất cơ bản làm nên tính người trong con người. Song, ở đây, Lão Tử và Xôcrát đã có những khác biệt nhất định.

Nếu như Xôcrát quan niệm tự do của con người là tự do bên trong và để đạt đến tự do, con người cần phải dùng lý tính để khắc chế sự bùng nổ của đam mê, của dục vọng, thì Lão Tử lại quan niệm rằng, để đạt đến tự do, con người cần phải khắc chế sự xâm lấn từ bên ngoài.

Xôcrát luôn đề cao tự do bên trong của con người. Theo ông, để đạt đến tự do bên trong theo nghĩa làm người đích thực, con người cần phải biết cách điều khiển dục vọng, phải biết dùng lý tính (cái bên trong) để hạn chế dục vọng (cái do tác động từ bên ngoài), kìm nén dục vọng. Ông cho rằng, người tự do là người có kỹ năng điều khiển bản thân mình, biết tự chủ, biết dùng lý tính để thiết lập độ (giới hạn) cho những khoái cảm, những đòi hỏi của dục vọng. Ngược lại, nếu ai đó bị những khoái cảm, những đòi hỏi của bản thân làm lu mờ lý tính, lấn át lý tính, thì người đó đánh mất tự do, đánh mất phần tâm hồn đích thực của mình. Do đó, người thông thái là người phải biết dùng lý

tính làm chủ thể xác, học được cách xác định độ của những dục vọng một cách hợp lý và tuân thủ nó để có được tự do.

Con người cứ chạy theo những dục vọng của bản thân từ những tác động từ bên ngoài, của thói tục ăn, tục dâm dục, nghiện ngập, tham lam, háms tiền, v.v., thì con người đã tự biến mình thành nô lệ của những dục vọng. Khi đó, con người đánh mất tự do, không còn là người theo đúng nghĩa. Xôcrát nói: "Phải chăng mỗi người cần phải thấm nhuần tư tưởng cho rằng sự kiểm chế là cơ sở của đức hạnh và trước hết cần phải có nó trong tâm hồn? Và trên thực tế, thiếu nó thì ai có thể có được những tri thức hữu ích nào đó hay có được thói quen kiểm chế? Nô lệ của những khoái cảm mà lại không đưa cả cơ thể lẫn tâm hồn tới trạng thái nhục nhã"(3).

Vì vậy, để tâm hồn được thanh khiết trước những cám dỗ của dục vọng, theo Xôcrát, người tự do phải biết suy xét trước mỗi tình huống, có những quyết đoán chính xác, mang tính đột phá. Để bảo vệ và duy trì thế giới nội tâm, con người phải có sự tự nỗ lực, phải có sự kết hợp giữa trí tuệ và đạo đức và sự quan tâm của bản thân đến tâm hồn.

Không chỉ dừng lại ở quan điểm về tự do cá nhân, Xôcrát còn kết hợp giữa tự do cá nhân với cộng đồng, đi từ tự do cá nhân đến cộng đồng. Theo ông, nếu tự do cá nhân là thứ tự do bên trong, là sự chiến thắng, làm chủ của lý tính đối với dục vọng thì tự do cộng

đồng đòi hỏi con người phải biết nhận thức dục vọng ấy. Muốn nhận thức được dục vọng, con người phải biết nhận thức sự công bằng trong sự thể hiện của luật pháp. Sự công bằng là tri thức cần phải tuân thủ luật pháp (thành văn hay bất thành văn). Việc tuân thủ luật pháp thành văn là cơ sở cho sự thịnh vượng của nhà nước. Luật bất thành văn là luật chung nhân loại do thần linh mang lại cho loài người.

Con người cần phải chấp hành luật pháp của nhà nước, việc chấp hành luật pháp chính là thực hiện nghĩa vụ công dân của mình. Việc tuân thủ pháp luật là nghĩa vụ mà con người có lý tính cần phải tuân theo trong cuộc sống. Để chấp hành luật pháp, trước hết con người cần phải hiểu luật, hiểu được mối liên hệ giữa luật pháp với cái phúc, với tâm hồn. Theo Xôcrát, điểm căn bản và mục đích cuối cùng của luật là giúp con người tránh được những điều xấu xa và hướng con người đến những điều tốt đẹp. Luật giúp cho con người nhận thức được việc cần phải hạn chế nhu cầu và khoái cảm. Tự do là phẩm chất quan trọng của tâm hồn con người và do vậy, để có tự do, con người cần phải được giáo dục, phát triển, nhất là những người chuẩn bị cho hoạt động chính trị và cầm quyền cần phải học cách kiểm chế dục vọng để đạt tới tri thức cần thiết cho lợi ích của nhà nước và của công dân.

(3) Dẫn theo: Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Thanh, Nguyễn Anh Tuấn, *Sđđ.*, tr.97.

Việc con người nhất thiết phải tuân thủ pháp luật để hạn chế dục vọng, theo Xôcrát, không có nghĩa là mọi quy định và mệnh lệnh của nhà cầm quyền đều là luật pháp cần được tuân thủ, mà nó bắt nguồn từ quan niệm truyền thống của người Hy Lạp về vai trò của luật pháp đối với cuộc sống đúng mực và chính nghĩa trong nhà nước thị thành. Người Hy Lạp coi việc tôn trọng pháp luật là phẩm chất chủ yếu vốn có của họ.

Với Lão Tử, con người muốn đạt đến tự do đích thực thì cần phải khắc chế sự xâm lấn của các yếu tố từ bên ngoài. Theo ông, Đạo là cái bản ngã, là cái tôi cá nhân, là cái vốn có của mỗi người. Do đó, tự do của con người chỉ có được khi cái bản ngã đó không bị xâm phạm. Muốn cho bản ngã được đảm bảo, con người cần phải sống vô vi. Vô vi trở thành nghệ thuật sống của con người, là một trong những quan điểm hết sức đặc sắc về đạo đức nhân sinh.

"Vô vi" hiểu theo nghĩa đen là "không làm gì", nhưng về thực chất, theo Lão Tử và cách hiểu của người Trung Hoa, có nghĩa là không gì không làm, không làm những điều không nên làm, không làm trái với quy luật của tự nhiên, không can thiệp vào guồng máy tự nhiên. Lão Tử viết: "Đạo thường không làm gì mà không gì không làm. Vua chúa nếu giữ được đạo, muôn vật sẽ tự mình chuyển hóa... Không ham muốn để được yên lặng, thiên hạ sẽ tự yên"(4).

Do đó, trong hoạt động, con người phải xuất phát và tôn trọng bản ngã của mình, phải hoạt động một cách tự nhiên, không nên làm những gì mà cảm thấy bị gò ép, giả tạo, trái với lương tâm. Nếu hoạt động của con người không thuận theo đạo tự nhiên, lấy cái giả tạo thay thế cho cái tự nhiên, đem dục vọng để cưỡng ép vạn vật vì bất cứ mục đích gì thì khi ấy, con người đều thất bại vì đã làm trái với đạo "vô vi".

Để trở về với Đạo và đạt được tự do, con người không được làm mất cái đức tự nhiên thuần phác, vốn có của vạn vật, làm mất cái bản ngã của mình. Do đó, người "vô vi" không được thỏa mãn dục vọng, ham muốn của mình bằng những thứ trái với bản tính tự nhiên của mình và của vật. Nếu cố tìm mọi cách can thiệp vào guồng máy tự nhiên để thỏa mãn dục vọng, ham muốn những điều trái với tự nhiên, con người sẽ làm mất đức tự nhiên và khi đó, sẽ tự chuốc lấy những tai họa. Lão Tử viết: "Ngũ sắc làm cho mắt mờ, ngũ âm làm cho tai điếc, ngũ vị làm cho miệng chán, cưỡi ngựa săn bắn làm cho lòng phát cuồng, vật khó khiến cho lòng tà vạy"(5).

Con người muốn tránh tai họa thì phải giữ gìn đạo đức tự nhiên, phải bảo vệ bản tính tự nhiên của mình, của vật. Làm được như thế, Lão Tử cho rằng, "vô

(4) Xem: Trung tâm học liệu Bộ Giáo dục, Sài Gòn. *Đạo đức Kinh*. 1969, chương 37.

(5) Xem: Trung tâm học liệu Bộ Giáo dục, Sài Gòn. *Đạo đức Kinh*. 1969, chương 12.

vi" có thể làm cho con người ta trở nên tuyệt vời, không phải lo lắng mà được tự nhiên thanh thản. Muốn vậy, con người không chỉ bảo vệ cái đức tự nhiên, mà còn cần phải xa rời trí thức, văn hóa, kỹ thuật, bởi theo ông, trí thức càng cao thì trí xảo càng nhiều, trí xảo nhiều thì càng nhiều ham muốn, chiếm đoạt lẫn nhau, sẽ càng xa rời bản tính tự nhiên.

Như vậy, với Lão Tử, "vô vi" là con đường duy nhất giúp con người xa rời cái ác, cái họa để trở về với bản tính đích thực của mình. Chỉ khi nào sống với bản nguyên đích thực của mình, con người mới được tự do và khi đó, tự do trở thành cội nguồn của hạnh phúc, của thịnh vượng, hài hòa.

Có thể nói, cùng nghiên cứu về con người, để cao tự do của con người, nhưng do sống ở hai nền văn hóa khác nhau, chịu sự chi phối bởi điều kiện xã hội và văn hóa, nên Xôcrát và Lão Tử đã có những quan niệm khác nhau về tự do cá nhân.

Sống trong thời kỳ xã hội Hy Lạp thịnh vượng và phát triển không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà cả về văn hóa, con người có cuộc sống đầy đủ về cả vật chất lẫn tinh thần và do vậy, dục vọng của con người có xu hướng phát triển. Nhu cầu của con người trước những thay đổi của cuộc sống ngày càng tăng cao. Con người rất có thể bị những cám dỗ của cuộc sống mê hoặc mà đánh mất phần tâm hồn đích thực của mình. Để giữ cho tâm hồn được

thanh khiết, Xôcrát cho rằng, con người cần phải hiểu được dục vọng, biết cách kiểm chế dục vọng và muốn vậy, con người phải hiểu được công bằng, phải biết sống theo pháp luật. Khi con người hiểu luật, làm theo luật là khi con người nhận thức và làm theo những cái hữu ích, tránh được những điều xấu và khi đó, con người hoàn toàn có thể khước từ những thứ xa lạ với tâm hồn, giữ cho tâm hồn được trong sáng và do vậy, hoàn toàn tự do.

Luật pháp không chỉ giúp con người nhận ra giới hạn của những dục vọng và giới hạn của những đam mê, mà nó còn là cơ sở, là biện pháp để đảm bảo cho sự phát triển thịnh vượng và lâu dài của nhà nước thị thành. Do đó, có thể thấy, tư tưởng về tự do cá nhân của Xôcrát đã có những điểm tích cực, đi từ cá nhân đến cộng đồng, đi từ nội tâm đến ngoại giới.

Khác với Xôcrát, Lão Tử sống trong thời kỳ xã hội Trung Quốc có nhiều biến động, chiến tranh liên miên. Giai cấp thống trị dùng nhiều luật pháp, quy định làm hạn chế sự tự do của con người. Giai cấp thống trị đã sử dụng nhiều chính sách can thiệp vào đời sống con người, nhưng lại không đủ tài can thiệp, càng can thiệp thì càng làm cho xã hội thối nát, rối loạn. Thực chất của sự thối nát, rối loạn đó là do thủ lĩnh thống trị không tin dân, nên mới bày kế để gò ép dân; dân không tin thủ lĩnh chính trị nên phải đóng kịch sợ sệt hay cung kính để lừa gạt. Hai bên đều dùng

bề ngoài xảo trá để làm bình phong che giấu sự bất tín.

Trong bối cảnh đó, Lão Tử chủ trương dùng chính sách “vô vi” để phản đối chính sách “hữu vi” của giai cấp thống trị, chống lại những chuẩn mực đạo đức và thể chế pháp luật. Ông coi “hữu vi” là sự áp đặt, cưỡng chế, can thiệp làm mất tính tự nhiên của con người. Luật lệ hà khắc được đặt ra (hữu vi) nhằm khiến người ta sợ, nhưng lại hiếm khi tiêu diệt được các tệ nạn xã hội; trong khi đó, đường lối “vô vi” không dựa trên phép tắc rườm rà lại có thể cảm hóa nhân dân để họ theo con đường thiện, hợp với cái đạo của tạo hóa. Vì thế, để giúp con người đạt tới cái thiện, ông chủ trương xóa bỏ mọi lễ giáo, pháp luật, văn hóa, kỹ thuật, loại bỏ tất cả những gì trái với tự nhiên, tổn hại đến bản chất tự nhiên của con người. Theo ông, chính sách quốc trị cao nhất phải là đạo trị, rồi mới đến đức trị (nhân trị), rồi nữa mới đến pháp chế. Chính sách xảo trị (dùng xảo thuật để cảm quyên) là phương pháp thấp nhất, bởi thủ lĩnh chính trị không còn được nhân dân tin tưởng nữa mới dùng đến xảo thuật. Theo ông, nếu muốn hướng thiện thì đừng trừng phạt kẻ xấu, mà nên dùng tư cách thánh nhân để cảm hóa kẻ xấu.

Lão Tử đòi hỏi giai cấp thống trị phải tôn trọng con người, không được can thiệp vào bản tính tự nhiên của con người và phải để mỗi người làm những việc cần làm một cách tự nhiên. Bậc thánh nhân chủ trương trị quốc theo

phương pháp “vô vi” nhằm giảm thiểu phép tắc vốn được đặt ra để áp bức và trừng phạt nhân dân. Thủ lĩnh quốc gia theo đạo sẽ hướng dẫn nhân dân noi theo gương của mình, dùng cái thanh liêm của mình để dạy dỗ dân bỏ đi lòng tham dục, cũng như các hành động xấu. Dần dần nhân dân trở thành thuần hậu và sống theo tự nhiên, chất phác mà không bị phép tắc chính trị gò bó. Do đó, ông kêu gọi con người phải được trở về với bản tính tự nhiên nguyên sơ, chất phác, không ham muốn, không dục vọng, không bị ràng buộc bởi các nguyên tắc, luân lý, luật pháp; con người được sống theo sở thích, khả năng, bản tính tự nhiên của mình.

Tư tưởng về con người và tự do cá nhân của con người là một trong những tư tưởng nổi bật của Lão Tử và Xôcrát. Cùng sống ở thời kỳ cổ đại, ở hai nền văn hóa Đông, Tây khác nhau, với những điều kiện xã hội khác nhau, Lão Tử và Xôcrát đều gặp nhau ở điểm lấy con người làm đối tượng và mục đích nghiên cứu. Các ông đều xuất phát từ con người với mục đích đem lại hạnh phúc, cái thiện, đem lại tự do thực sự cho con người. Song, các ông lại có cách thể hiện nội dung tư tưởng của mình ở những quan niệm khác nhau. Mặc dù vậy, dù ở phương diện nào đi nữa, tư tưởng về tự do cá nhân của hai ông không chỉ có giá trị đối với xã hội cổ đại, mà còn có ý nghĩa cho chúng ta trong việc xây dựng đạo đức con người cá nhân khi sống trong xã hội hiện đại. □